Kế toán

Câu 1 **Tài khoản 111 là gì?**

A. Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

B. Tiền mặt

C. Tạm ứng

D. Phải thu của khách hàng

Câu 2 **Tài khoản 112 là gì?**

A. Tiền mặt tại quỹ

B. Tiền gửi không kỳ hạn

C. Thuế GTGT được khấu trừ

D. Hàng hóa

Câu 3 **Tài khoản 131 là gì?**

A. Phải thu của khách hàng

B. Phải trả người bán

C. Phải thu khác

D. Tạm ứng

Câu 4 **Tài khoản 133 là gì?**

A. Thuế GTGT phải nộp

B. Thuế GTGT được khấu trừ

C. Thuế thu nhập doanh nghiệp

D. Các khoản giảm trừ doanh thu

Câu 5 **Tài khoản 138 là gì?**

A. Phải thu của khách hàng

B. Phải trả khác

C. Phải thu khác

D. Tạm ứng

Câu 6 **Tài khoản 141 là gì?**

A. Nguyên liệu, vật liệu

B. Tạm ứng

C. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

D. Hàng gửi đi bán

Câu 7 **Tài khoản 152 là gì?**

A. Công cụ, dụng cụ

B. Nguyên vật liệu

C. Thành phẩm

D. Hàng hóa

Câu 8 **Tài khoản 153 là gì?**

A. Nguyên vật liệu

B. Công cụ, dụng cụ

C. Sản phẩm dở dang

D. Hàng hóa gửi bán

Câu 9 **Tài khoản 154 là gì?**

A. Chi phí bán hàng

B. Chi phí quản lý doanh nghiệp

C. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

D. Giá vốn hàng bán

Câu 10 **Tài khoản 155 là gì?**

A. Thành phẩm

B. Hàng hóa

C. Hàng gửi đi bán

D. Nguyên vật liệu

Câu 11 **Tài khoản 156 là gì?**

A. Thành phẩm

B. Hàng hóa

C. Hàng gửi đi bán

D. Công cụ, dụng cụ

Câu 12 **Tài khoản 157 là gì?**

A. Hàng hóa tồn kho

B. Hàng gửi đi bán

C. Thành phẩm nhập kho

D. Sản phẩm đang chế tạo

Câu 13 **Tài khoản 211 là gì?**

A. Tài sản cố định hữu hình

B. Hao mòn tài sản cố định

C. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

D. Xây dựng dở dang

Câu 14 **Tài khoản 214 là gì?**

A. Nguyên giá tài sản cố định

B. Hao mòn tài sản cố định

C. Chi phí sửa chữa tài sản

D. Giá trị còn lại của tài sản

Câu 15 **Tài khoản 222 là gì?**

A. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

B. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

C. Đầu tư góp vốn khác

D. Chi phí chờ phân bổ

Câu 16 **Tài khoản 241 là gì?**

A. Chi phí trả trước

B. Xây dựng cơ bản dở dang

C. Hàng hóa dở dang

D. Sản phẩm dở dang

Câu 17 **Tài khoản 242 là gì?**

A. Chi phí sản xuất dở dang

B. Chi phí chờ phân bổ (Chi phí trả trước)

C. Chi phí tài chính

D. Chi phí khác

Câu 18 **Tài khoản 331 là gì?**

A. Phải thu của khách hàng

B. Phải trả người bán

C. Phải trả người lao động

D. Phải trả khác

Câu 19 **Tài khoản 3331 là gì?**

A. Thuế GTGT phải nộp

B. Thuế thu nhập doanh nghiệp

C. Thuế thu nhập cá nhân

D. Thuế GTGT được khấu trừ

Câu 20 **Tài khoản 3334 là gì?**

A. Thuế giá trị gia tăng

B. Thuế thu nhập doanh nghiệp

C. Thuế thu nhập cá nhân

D. Thuế xuất nhập khẩu

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app